TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45/2023/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên, ngày 05 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 140/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Vì Thị Hà V** - sinh năm: 2002

Nơi cư trú: Bản C, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: anh **Quàng Văn Q**, sinh năm: 1998

Nơi ĐKTT: Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La.

Chỗ ở: Bản B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Vì Thị Hà V và anh Quàng Văn Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vì Thị Hà V và anh Quàng Văn Q thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Giao con chung Quàng Diệu N, sinh ngày 13/9/2022 cho chị Vì Thị Hà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Không có.

2.4. Về án phí:

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 147/BLTTDS; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị V và anh Q mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí DSST. Chị V tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0005198 ngày 04/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã S, huyện Đ (Nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- Kế toán (để biết);
- Đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Yên